

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH SỐ 265/BC-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2019

ĐẾN
Ngày: 23 / 5 / 2019
Số: 1612
Chuyển: ĐC. UB
Lưu Hồ S

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18-01-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2020

Thực hiện Kế hoạch số 10/KH-HĐND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức kỳ họp lần thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021; Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18-01-2010 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2020 từ năm 2010 đến 2018, như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2018

I. Công tác lãnh chỉ đạo, điều hành triển khai Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là chủ trương lớn mang tính chiến lược nhằm chuẩn hóa cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giáo viên, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Trước yêu cầu bức thiết nâng cao chất lượng toàn diện của hệ thống giáo dục và đào tạo (GDĐT) của tỉnh, ngày 18/01/2010, UBND tỉnh An Giang có Quyết định số 91/QĐ-UBND ban hành Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2020, trong đó giao ngành GDĐT tham mưu thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh để triển khai đề án. Hằng năm, nhiệm vụ xây dựng trường chuẩn quốc gia thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong Chỉ thị năm học. Giao sở GDĐT tổ chức triển khai kế hoạch thực hiện đề án đến phòng GDĐT và các trường trực thuộc, tổ chức các lớp tập huấn cán bộ phụ trách, lãnh đạo các trường đảm bảo các nội dung cần thiết xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được thông suốt đến từng đơn vị cơ sở. Yêu cầu mỗi trường học xây dựng lộ trình phấn đấu năm đạt chuẩn và thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá mức độ đạt của 5 tiêu chuẩn.

- Từ năm 2013, thực hiện bộ chuẩn mới theo các Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia, Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 25/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; các bộ tiêu chuẩn này được áp dụng suốt trong giai đoạn đến cuối năm 2018.

II. Kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chuẩn xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đến 2018

- Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được phê duyệt năm 2010 với tỉ lệ trường đến năm 2020 đạt chuẩn quốc gia lên đến 97,6%, cụ thể: đến hết 2012 đạt 33,5%, hết 2015 đạt 62,3%, đến cuối giai đoạn đạt 97,6%; trong đó, mầm non đạt 97,6%, Tiểu học đạt 98,0%, THCS đạt 97,4%, THPT đạt 93,8%.

- Thực hiện thực tế đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh đạt được 206/716 trường trong hệ thống công lập, chiếm tỉ lệ 28,77%¹, chia ra:

1. Giáo dục mầm non

Có 52/183 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (trừ 18 trường tư thục không xét trong lộ trình đề án), chiếm tỉ lệ 28,42% so với tổng số trường công lập và đạt 29,12% so với kế hoạch Đề án giai đoạn 2010-2020. Còn lại 131 trường mầm non chưa đạt đủ các tiêu chí để đạt chuẩn. Phân tích tỉ lệ số trường này đạt từng chuẩn như sau: Chuẩn 1: 48,09%, Chuẩn 2: 24,04%, Chuẩn 3: 11,48%, Chuẩn 4: 2,19%, Chuẩn 5: 62,3%.

2. Giáo dục tiểu học

Đến nay, toàn tỉnh có 327 trường tiểu học công lập, trong đó có 83/327 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (chủ yếu mức độ 1), chiếm tỉ lệ 25,38%, đạt 25,90% so với kế hoạch Đề án giai đoạn 2010-2020. Còn lại 244 đơn vị trường tiểu học chưa đạt đủ chuẩn để công nhận. Phân tích tỉ lệ số trường này đạt từng chuẩn như sau: Chuẩn 1: 57,49%, Chuẩn 2: 36,09%, Chuẩn 3: 1,53%, Chuẩn 4: 51,07%, Chuẩn 5: 22,94%.

3. Giáo dục trung học

- Cấp Trung học cơ sở, toàn tỉnh hiện có 156 trường công lập trên 155 xã, phường, thị trấn, 01 trường đặc thù (Trẻ em khuyết tật - Thành phố Long Xuyên). Đến nay, có 53 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 33,76%, đạt 34,66% so với kế hoạch Đề án giai đoạn 2010-2020. Còn lại 104 trường chưa đạt. Phân tích tỉ lệ số trường này đạt từng chuẩn như sau: Chuẩn 1: 54,78%, Chuẩn 2: 38,22%, Chuẩn 3: 18,47%, Chuẩn 4: 0,64%, Chuẩn 5: 58,6%.

1

STT	Địa phương	Quản lý cấp Huyện					Thuộc sở	
		Mầm non	Tiểu học	THCS	Tổng số đạt/tổng số trường	Tỉ lệ	THPT	Tỉ lệ
1	Thành phố Long Xuyên	9	15	10	34/57	59.65%	2/6	33.33%
2	Thành phố Châu Đốc	8	12	7	27/32	84.38%	3/4	75.00%
3	Thị xã Tân Châu	6	6	6	18/53	33.96%	2/5	40.00%
4	Huyện Chợ Mới	5	6	5	16/86	18.60%	3/7	42.86%
5	Huyện Thoại Sơn	6	10	8	24/64	37.50%	3/4	75.00%
6	Huyện Châu Thành	4	8	2	14/55	25.45%	0/3	0.00%
7	Huyện Châu Phú	4	8	6	18/69	26.09%	1/5	20.00%
8	Huyện Phú Tân	4	6	5	15/69	21.74%	2/5	40.00%
9	Huyện An Phú	3	5	1	9/59	15.25%	1/3	33.33%
10	Huyện Tri Tôn	1	3	2	6/55	10.91%	0/3	0.00%
11	Huyện Tịnh Biên	2	4	1	7/69	10.14%	1/3	33.33%
Tổng cộng		52	83	53	188/668	28,14%	18/48	37,5%

- Cấp Trung học phổ thông có 51 trường (trong đó có 03 trường tư thục và 01 đơn vị thuộc quản lý của trường Đại học An Giang). Đến thời điểm hiện tại có 18/48 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 37,5%, đạt 40,00% so với kế hoạch Đề án giai đoạn 2010-2020. Còn lại 30 trường chưa được công nhận đạt chuẩn. Phân tích tỉ lệ số trường này đạt từng chuẩn như sau: Chuẩn 1: 40.43% , Chuẩn 2: 42.55% , Chuẩn 3: 2.08%, Chuẩn 4: 2.08%, Chuẩn 5: 51.06%.

III. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện

1. Thuận lợi

- Việc phát triển GDĐT trong đó có các chỉ tiêu phát triển quy mô, đội ngũ, chất lượng dạy và học luôn được Đảng, Nhà nước, toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở đặc biệt quan tâm chăm lo và được mỗi quan tâm lớn của toàn xã hội.

- Trong những năm qua, sự nghiệp GDĐT tỉnh An Giang đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng, đáp ứng khá tốt yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

- Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng ngày càng khang trang hơn; trang thiết bị dạy học hằng năm được bổ sung và hoàn thiện dần, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng dạy và học. Công tác đầu tư xây dựng gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Đến nay, tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (tỉnh + huyện) giai đoạn 2012- 2020 là 3.295.572 triệu đồng (giai đoạn 2012-2015: 618.905 triệu đồng và giai đoạn 2016-2020: 2.676.667 triệu đồng); nguồn thu hợp pháp khác là 11.575 triệu đồng (giai đoạn 2012-2015: 5.100 triệu đồng và giai đoạn 2016-2020: 6.475 triệu đồng).

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên không ngừng được tăng cường về số lượng và chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu công tác đặt ra; cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo (trong đó tỉ lệ đạt trên chuẩn cán bộ quản lý chiếm 86,58%, giáo viên đạt 76,98%). Công tác quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn tại các trường học được thực hiện nghiêm túc; các quy định theo quy chế chuyên môn và các quy định quản lý ngành, nề nếp kỷ cương trường học được đảm bảo tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Chất lượng giáo dục từng bước được củng cố, đặc biệt những trường đạt chuẩn quốc gia có sự chuyển biến tích cực hơn; cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm phấn đấu hoàn thành tốt công việc. Môi trường giáo dục được xây dựng thân thiện, có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh tạo được sự đồng thuận giữa phụ huynh và nhà trường.

- Công tác phổ cập giáo dục được triển khai và duy trì kết quả đạt chuẩn hằng năm. Tính đến cuối năm 2018, toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1: 11/11 huyện, mức độ 2: 02/11 huyện. Hầu hết các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục.

2. Những khó khăn, hạn chế

- Về thực trạng, so với khu vực và cả nước thì An Giang là một trong những tỉnh có tỉ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia thấp nhất. Một số tiêu chuẩn đạt rất thấp, như:

+ Tiêu chuẩn về Tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (tính trên số trường chưa được công nhận chuẩn quốc gia): mầm non 2,19%; tiểu học 1,53%; trung học cơ sở 0,64 %; trung học phổ thông 2,08%.

- Cơ sở vật chất trường học dù đã được đầu tư đáng kể nhưng nhìn chung chưa đồng bộ và chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự phát triển (chủ yếu xây dựng phòng học, còn thiếu nhiều phòng chức năng, phòng bộ môn...). Nhiều địa phương không có hoặc chưa chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch, nên khi triển khai thi công theo lộ trình lại bị vướng, phải chuyển đầu tư sang trường khác, làm cho tiến độ có chậm so với kế hoạch. Một số trường còn thiếu diện tích theo quy định nhưng rất khó khăn trong việc mở rộng. Điều đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trong thời gian qua. Mạng lưới trường lớp không tập trung, phân tán nhiều điểm lẻ, đặc biệt khu vực nông thôn. Cơ sở vật chất các trường mầm non còn nhiều khó khăn chưa đáp ứng so với yêu cầu hiện nay.

- Đến năm 2015, tỉnh tập trung triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới chuyển việc đầu tư cho chương trình sang lồng ghép với vốn đề án chương trình mục tiêu (do khó khăn về vốn), cùng với đề án, dự án khác; mặt khác chương trình kiên cố hóa trường lớp học sau năm 2015 đến nay không được triển khai trên địa bàn tỉnh nên nguồn vốn dành cho xây dựng, sửa chữa trường học càng hạn chế, hàng năm chưa đáp ứng đủ nguồn kinh phí để triển khai các hạng mục theo lộ trình, làm chậm tiến độ triển khai Đề án.

+ Ngoài tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, một số địa phương cũng như Ban giám hiệu của không ít trường chưa thật sự quan tâm đúng mức đến việc đầu tư xây dựng các tiêu chuẩn khác (như Tổ chức quản lý, xã hội hóa...), còn tâm lý trông chờ vào sự đầu tư của Nhà nước. Một bộ phận giáo viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đổi phương pháp giảng dạy, đổi mới hoạt động ở nhà trường. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học của nhiều trường dù có giảm nhưng vẫn còn khá cao so với tiêu chuẩn của một trường đạt chuẩn quốc gia (cấp trung học nhiều trường còn cao hơn 5%). Việc huy động học sinh bỏ học trở lại trường hiệu quả chưa cao. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở các điểm lẻ, điểm gấn trường tiểu học còn nhiều hạn chế. Tiêu chuẩn Chất lượng giáo dục (đối với các trường chưa đăng ký đạt chuẩn): mầm non đạt 11,48%; tiểu học đạt 22,94%; trung học cơ sở đạt 18,47%; trung học phổ thông đạt 2,08%.

- Một số địa phương, giáo viên cấp mầm non còn thiếu do phát triển nhanh quy mô trong những năm gần đây.

- Đến cuối năm 2018, Bộ GDĐT tiếp tục ban hành 03 Thông tư quy định hợp nhất về tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia đối với các cấp học mầm non, phổ thông (Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT). Việc này một phần giải quyết được sự chồng chéo trong

quy định về chuẩn đối với các trường học, tuy nhiên, các hồ sơ minh chứng cho việc đạt chuẩn của các trường phải được bố trí lại theo hướng hồ sơ minh chứng chuẩn kiểm định, đòi hỏi phải có thời gian và thay đổi việc tổ chức thu thập cũng như quy trình đánh giá.

Phần thứ 2

PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

I. Mục tiêu chung

1. Đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao về hưởng thụ giáo dục của xã hội.

2. Chuẩn hóa, hiện đại hóa các hoạt động: Tổ chức và quản lý trường học, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm tạo ra môi trường giáo dục tương đối đồng đều giữa các địa bàn, tạo cơ hội bình đẳng về điều kiện học tập cho mọi trẻ em ở các vùng kinh tế - xã hội khác nhau, góp phần khắc phục khoảng cách chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa vùng thành thị và nông thôn.

3. Đảm bảo quy mô, cơ sở trường lớp hoàn chỉnh theo Điều lệ trường mầm non và trường phổ thông; tạo môi trường “trường học thân thiện, học sinh tích cực”, giúp các em được học tập và rèn luyện tốt, phát triển nhân cách toàn diện, trở thành những công dân hữu ích cho xã hội, cho đất nước.

4. Huy động nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia vào công tác GDĐT, thực hiện đúng quan điểm “giáo dục là sự nghiệp của toàn dân”.

5. Lộ trình đạt chuẩn đối với các trường được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2018-2020: Với lộ trình vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn, đến cuối năm 2019 đạt thêm 57 trường, năm 2020 phấn đấu đạt thêm 92 trường, đưa tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia gần nhất với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh 49,65/50%.

II. Hệ thống các giải pháp

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao chất lượng công tác điều hành, quản lý

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với các cơ quan, tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong việc triển khai thực hiện và huy động các nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tuyên truyền rộng rãi để làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, từ đó huy động sự tham gia của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Chỉ đạo thành lập hội đồng tự đánh giá chuẩn quốc gia của các cơ sở giáo dục để thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện.

2. Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên và các hoạt động trong các cơ sở giáo dục

- Tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ làm sự phạm. Tiếp tục thực hiện việc đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn cán bộ quản lý và đánh giá theo Luật công chức, viên chức một cách nghiêm túc, đúng quy trình, công khai, dân chủ, công bằng, khách quan, chính xác và khoa học giúp rà soát, sàng lọc hiệu quả giáo viên, cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực. Bên cạnh đó, tăng cường công nhận đội ngũ giáo viên dạy giỏi các cấp qua các hội thi, hội giảng.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đúng quy định về số lượng nhân viên trường học. Chuẩn hóa các đội ngũ này để đảm bảo bộ máy nhà trường hoạt động có hiệu quả.

- Nghiên cứu thí điểm đào tạo giáo viên dạy cấp trung học phổ thông đối với các khối môn tích hợp : Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên. Có thể đào tạo các ngành sự phạm không liên tục, không ổn định về quy mô... để giảm thiểu tình trạng mất cân đối giữa quy mô đào tạo và nhu cầu sử dụng.

- Cùng cố hoạt động các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường theo đúng Điều lệ và theo quy định của luật pháp.

- Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Đẩy mạnh giáo dục học sinh tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép, thương yêu giúp đỡ bạn bè, văn minh trong ứng xử, không vi phạm nội quy nhà trường và pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia công tác xã hội các hoạt động tình nguyện.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới phương pháp dạy học

- Tiếp tục triển khai đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông theo lộ trình.

- Tăng cường đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý của nhà trường, tăng quyền tự chủ cho các đơn vị trường học, đẩy mạnh việc thực hiện chương trình phát triển nhà trường theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học. Tăng cường đồng bộ các giải pháp củng cố chất lượng giáo dục các cấp học nền tảng (mẫu giáo 5 tuổi, lớp 1 và cấp tiểu học, các lớp đầu cấp trung học). Duy trì và nâng chất lượng công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ.

- Tiếp tục đầu tư và tăng cường việc quản lý, sử dụng trang thiết bị dạy học, phát huy hết công năng, hiệu quả của phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị, phòng chức năng khác đã được trang bị, mở rộng mô hình trường học điện tử. Tập trung làm chuyển biến việc dạy và học ngoại ngữ trong trường phổ thông.

4. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị

- Thực hiện đầu tư theo đúng yêu cầu chuẩn hóa về cơ sở vật chất trường học, giúp các trường có đủ điều kiện thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dạy

và học. Hướng đến việc xây dựng một số trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học, cung cấp các dịch vụ giáo dục có chất lượng tốt (công lập tự chủ kinh phí và tư thục) để giảm bớt sức ép “chạy trường”, gây quá tải cho một số trường vùng thị tứ.

- Thực hiện tốt Quy hoạch phát triển cơ sở GDĐT. Sắp xếp lại các đơn vị trên cơ sở tăng hiệu quả quản lý và đảm bảo chất lượng hoạt động.

- Tổ chức rà soát, điều chuyển và bổ sung trang thiết bị dạy học, giúp nhà trường phát huy tốt thiết bị đã đầu tư mà không để xảy ra tình trạng lãng phí.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục

- Tiếp tục tăng cường nhận thức và thực hiện tốt phương châm “giáo dục là sự nghiệp của toàn dân”, huy động nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục trên các mặt: giáo dục văn hóa và đạo đức cho học sinh; tham gia các hoạt động quản lý giáo dục; đầu tư phát triển trường, lớp, cơ sở vật chất trường học.

- Chân chính hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh, nhất là ở vùng nông thôn, vùng dân tộc, tăng cường mối liên lạc mật thiết giữa nhà trường và gia đình, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ động.

- Xây dựng cơ chế giám sát giữa các lực lượng xã hội tại địa phương với nhà trường trong tất cả các hoạt động, từ đó tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào toàn diện các hoạt động nhà trường.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện... nhằm cụ thể hoá, tạo điều kiện triển khai các mục tiêu, giải pháp, biện pháp phát triển chất lượng giáo dục trên nguồn lực hiện có.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang

- Theo dõi, giám sát và tham mưu UBND tỉnh sơ kết, rút kinh nghiệm để khắc phục những hạn chế, khó khăn, kế hoạch điều chỉnh Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án về UBND, Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Các sở, ngành liên quan

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở GDĐT bố trí nguồn vốn theo phân kỳ đầu tư để triển khai thực hiện. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí dành cho việc triển khai Đề án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, giám sát việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả. Tham mưu phê duyệt kế hoạch mua sắm và trình UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để mua sắm trang thiết bị cho các trường được đầu tư, đảm bảo

đủ điều kiện để được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia. Phối hợp với Sở GDĐT và các ngành liên quan đề xuất các chính sách khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ phân kỳ đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư đảm bảo việc triển khai đúng tiến độ Đề án. Phối hợp với Sở Tài chính tạo điều kiện cho các địa phương điều chỉnh, bổ sung thiết bị trường học đối với các trường ngoài lộ trình nông thôn mới từ kinh phí dôi dư trong lĩnh vực văn hóa, xã hội.

- Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở GDĐT đề xuất các phương án xây dựng trường học đảm bảo tính hiện đại, phục vụ tốt việc học tập của học sinh.

II. Các địa phương

- Triển khai công tác quy hoạch tổng thể mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn. Xây dựng quy hoạch quỹ đất giáo dục trong năm 2019 và những năm tiếp theo. Chịu trách nhiệm đầu tư đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn.

- Tăng cường công tác xã hội hóa đối với GDĐT.

- Chỉ đạo Phòng GDĐT, các trường trực thuộc triển khai hiệu quả lộ trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn quản lý.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18-01-2010 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Đề án xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang từ 2010 đến 2018./. *ky*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh (200 bản);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình
Nguyễn Thanh Bình